| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẨM MỸ**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/11/2019.
V/v*: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung".*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Trường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Xuân Vương**
2. Ông **Trương Văn Hòa**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Tuấn Hải**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Dương Văn Khánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị H P**, sinh năm 1994

Nơi cư trú: tổ 7, ấp A, xã X, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

* Bị đơn: Anh **Đào V T**, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: tổ 7, ấp T, xã B, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

* Người làm chứng: Bà **Lý N P**, sinh năm 1968

Nơi cư trú: ấp 7, xã X, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

( Anh T vắng mặt; chị P và bà N P có đơn xin vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tường trình chị Đặng Thị H P trình bày:**

Năm 2016, chị và anh Đào V T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn, được UBND xã X cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 167 ngày 30/10/2017, sau kết hôn anh chị chung sống thì mâu thuẫn bắt đầu xảy ra, anh T không lo làm ăn, phụ giúp gia đình mà chỉ lo ăn chơi, trong cuộc sống không có trách nhiệm với gia đình, anh chị thường xuyên cãi nhau, cha

mẹ chị có khuyên can anh T nhưng cha mẹ anh T luôn bênh vực, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sau khi sinh con được 01 tháng, tháng 5/2017 thì chị đã về bên nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không hàn gắn tình cảm. Chị xác định không còn tình cảm nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Đào An N, sinh ngày 05/5/2017 hiện nay đang ở với chị, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu gì.

***** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo theo quy định cho anh Đào V T nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có bản tường trình cho Tòa án, vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải để các bên tự thỏa thuận được với nhau.

*Các tài liệu, chứng cứ thu thập được:*

+ Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, Trích lục giấy chứng nhận kết hôn, Trích lục giấy khai sinh con chung; Bản tường trình, đơn đề nghị triệu tập người làm chứng, đơn xác nhận của Công an xã Xuân Tây, đơn yêu cầu thu thập chứng cứ.

+ Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không

+ Các chứng cứ do Tòa án thu thập được: Biên bản lấy lời khai của các đương sự tại Toà án; Biên bản xác minh tại UBND xã Bảo Bình.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, do anh Thịnh vắng mặt không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

** Tại phiên tòa hôm nay:*

Tất cả các đương sự vắng mặt nên không có lời khai nên Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết: Theo lời trình bày của chị P thì chị và anh T tìm hiểu nhau 08 tháng thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào năm 2016. Khi bước vào đời sống hôn nhân thì anh T không lo làm ăn, phụ giúp gia đình, chỉ biết ăn chơi, sống không có trách nhiệm với gia đình. Từ lý do này mà chị và anh T ngày càng có mâu thuẫn trầm trọng. Cha mẹ ruột của

chị P có khuyên bảo anh T nhưng cha mẹ anh T luôn bên vực anh T nên gia đình hai bên phát sinh mâu thuẫn. Đồng thời cũng theo lời trình bày của bà Lý N P (mẹ ruột của chị Đặng Thị H P) thì anh T thường bỏ đi chơi hoài, không quan tâm gì đến vợ con. Từ khi chị P sinh con được 01 tháng tuổi thì chị P đã trở về sinh sống với cha mẹ ruột và sống ly thân với anh T cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, Chị và anh T cùng gia đình hai bên không hòa giải đoàn tụ được. Anh T cũng vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án, điều đó cho thấy anh T không muốn níu khéo cuộc hôn nhân này. Nay chị P cảm thấy không còn tình cảm với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị H P với anh Đào V T.

- Về con chung: Giao cháu Đào A N, sinh ngày 05/05/2017, cháu N dưới 36 tháng tuổi hiện đang sinh sống cùng với chị P để chị P tiếp tục nuôi, dưỡng cháu N, tạm thời anh Đào V T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đào V T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu số 004342 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ được chuyển thành tiền án phí. Chị Đặng Thị H P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đặng Thị H P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với anh T. Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại tổ 7, ấp T, xã B, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với anh T nhưng anh T vắng mặt không có lý do, chị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H P và anh Đào V T có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2017 và được UBND xã Xy, huyện Cẩm Mỹ cấp giấy chứng nhận

kết hôn. Việc xác lập quan hệ hôn nhân của anh chị trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị P, quá trình làm việc chị P cho rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị là do anh T không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn mà chỉ biết ăn chơi chị nên vợ chồng cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng không còn nữa.

Qua quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ: kết quả Biên bản xác minh tại UBND xã B ngày 20/3/2019 thể hiện *"... bà P và ông T đã sống ly thân một thời gian dài từ khoảng năm 2017 cho đến nay..."* ; tại Đơn xin xác nhận ngày 22/10/2018 của Trưởng ấp 7, xã X có xác nhận của UBND xã X thể hiện *"Bà Đặng Thị H P hiện tại đang ở nhà mẹ đẻ từ năm 2017 đến nay là đúng"*.

Qua lời khai của của bà Lý N P là mẹ của chị P thì mâu thuẫn giữa anh chị là có thật, P chỉ ở với gia đình chồng được 01 tháng về ở với bà cho đến nay, do anh T thường bỏ đi chơi không quan tâm gì đến P, lâu lâu thì anh T và cha mẹ anh T có ghé thăm cháu nhưng P và T không hàn gắn tình cảm gì. Như vậy, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T cố tình không lên Tòa án làm việc, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm, bỏ mặc quan hệ hôn nhân với chị P, mặc cho hậu quả xảy ra. Do đó yêu cầu ly hôn của chị P là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

3.2 Về con chung: Chị P yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cháu Đào A N, sinh ngày 05/5/2017, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng cháu N hiện nay do chị P trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị sinh cháu cho đến nay nên việc giao cháu N cho chị P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3.4 Về án phí: Do chị P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H P được ly hôn với anh Đào V T.

2. Về con chung: Giao cháu Đào A N, sinh ngày 05/5/2017 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Tạm thời anh Đào V T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị H P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 004342 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị Đặng Thị H P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị H P, anh Đào V T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
*- TAND tỉnh Đồng Nai;*
*- VKSND huyện Cẩm Mỹ;*
*- THADS huyện Cẩm Mỹ;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Trường**